TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày 09 tháng 08 năm 2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban và ông Lê Khắc Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Quốc Nam– Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 279/2023/TLST - DS, ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31a/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-DS ngày 28/6/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L. Nơi cư trú: Thôn N, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị L1. Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Cao Văn T. Nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2023, tại bản tự khai và tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị L1 trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với ông T, vào năm 2021 và đầu năm 2022 ông L có cho ông T vay tổng số tiền là 303.900.000 đồng, mục đích vay để làm ăn. Việc vay mượn bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần qua số tài khoản của ông T và các bên có thỏa thuận miệng với nhau là 1%/tháng, thời hạn vay cuối năm 2022 ông T sẽ thanh toán cho ông L tổng số tiền trên.

Ông Nguyễn Văn L sử dụng số tài khoản số 5202205290761 chuyển tiền đến số tài khoản 63210000512972 của ông Cao Văn T tại Ngân hàng Đ (B) cụ thể như sau:

Ngày 05/01/2021 chuyển số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2021 chuyển số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 22/3/2021 chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 02/6/2021 chuyển số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 03/6/2021 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 05/6/2021 chuyển số tiền 1.200.000 đồng.

Ngày 16/8/2021 chuyển số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2021 chuyển số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 27/8/2021 chuyển số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2021 chuyển số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2021 chuyển số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2021 chuyển số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 4/12/2021 chuyển số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 07/01/2022 chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L sử dụng số tài khoản số 5202205290761 chuyển tiền đến số tài khoản 3030133133133 của ông Cao Văn T tại Ngân hàng Q (MB) cụ thể như sau:

Ngày 12/4/2021 chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2021 chuyển số tiền 700.000 đồng.

Ngày 26/4/2021 chuyển số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2021 chuyển số tiền 16.000.000 đồng.

Do không thấy ông T trả số tiền vay trên. Ngày 13/10/2023 ông L có làm thông báo gửi cho ông T, yêu cầu ông T đến ngày 17/10/2023 phải có trách nhiệm trả cho ông L tổng số tiền trên. Mặc dù ông L đã nhiều lần liên hệ trực tiếp, xuống nhà yêu cầu ông T trả số tiền trên nhưng ông T cố tình trốn tránh, trây ỳ không chịu hợp tác.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Văn T phải có trách nhiệm trả tổng số tiền là 303.900.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật phát sinh tính từ ngày 17/10/2023 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Tuy nhiên vào ngày 05/08/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 70.000.000 đồng theo chứng từ giao dịch chuyển tiền ngày 02/6/2021 tại Ngân hàng N. Chỉ yêu cầu bị đơn ông Cao Văn T trả số tiền gốc 233.900.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/10/2023 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Cao Văn T đã được triệu tập bằng hình thức niêm yết công khai, kèm theo niêm yết các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Tuy

nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do đó đã từ bỏ quyền chứng minh chứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đề Nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L. Buộc ông Cao Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền gốc 233.900.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/10/2023 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm là 10%/năm. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 70.000.000 đồng đã rút.

Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ông Cao Văn T phải trả số nợ là 233.900.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện E, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Cao Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 70.000.000 đồng đối với chứng từ giao dịch chuyển tiền ngày 02/6/2021 tại Ngân hàng N. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 218 và Khoản 2 Điều 219. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đối với số tiền 70.000.000 đồng nêu trên.

*** Về nội dung:**

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Cao Văn T vắng mặt tại nơi cư trú Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn biết việc bị khởi kiện nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh chứng cứ để bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 233.900.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/10/2023 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. HĐXX xét thấy:

Do mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Văn L có cho ông Cao Văn T vay mượn tiền thông qua hình thức chuyển khoản, nguyên đơn sử dụng số tài khoản 520220520761 được mở tại ngân hàng N1 chuyển tiền đến số tài khoản 63210000512972 của ông Cao Văn T được mở tại Ngân hàng Đ tổng cộng là 193.200.000 đồng cụ thể các lần như sau:

Ngày 05/01/2021 chuyển số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2021 chuyển số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 22/3/2021 chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 03/6/2021 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 05/6/2021 chuyển số tiền 1.200.000 đồng.

Ngày 16/8/2021 chuyển số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2021 chuyển số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 27/8/2021 chuyển số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2021 chuyển số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2021 chuyển số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2021 chuyển số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 4/12/2021 chuyển số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 07/01/2022 chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

Do bị đơn vắng mặt nên ngày 11/03/2024, Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 30/2024/QĐ-CCTLCC yêu cầu Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 cung cấp thông tin đối với số tài khoản 63210000512972. Tại Công văn số 134/BIBV.ĐĐL-QLRR ngày 18/03/2024 của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 cung cấp xác định số tài khoản 63210000512972 mở tại ngân hàng, tên chủ tài khoản là ông Cao Văn T. Từ ngày 26/05/2022 số tài khoản này đã được đóng theo yêu cầu của chủ tài khoản. Qua đối chiếu bảng sao kê tài khoản thanh toán của khách hàng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 mà phía Ngân hàng cung cấp là phù hợp với các lần chuyển tiền của nguyên đơn cho bị đơn vay với số tiền là 193.200.000 đồng.

Tiếp đến ông Nguyễn Văn L sử dụng số tài khoản số 5202205290761 chuyển tiền đến số tài khoản 3030133133133 của ông Cao Văn T được mở tại Ngân hàng TMCP Q với số tiền 40.700.000 đồng cụ thể các lần như sau:

Ngày 12/4/2021 chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2021 chuyển số tiền 700.000 đồng.

Ngày 26/4/2021 chuyển số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2021 chuyển số tiền 16.000.000 đồng.

Ngày 11/03/2024, Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 31/2024/QĐ-CCTLCC yêu cầu Ngân hàng TMCP Q cung cấp thông tin đối với số tài khoản 3030133133133. Tại Công văn số 598/MB-DLA ngày 03/04/2024 của Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Đ1 cung cấp xác định số tài khoản 3030133133133 chủ tài khoản là ông Cao Văn T. Qua đối chiếu Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 mà phía Ngân hàng cung cấp là phù hợp với các lần chuyển tiền của nguyên đơn cho bị đơn vay với số tiền là 40.700.000 đồng.

Như vậy, C đủ căn cứ xác định bị đơn ông Cao Văn T có vay của ông Nguyễn Văn L thông qua hình thức chuyển khoản với tổng số tiền là 233.900.000 đồng. Ngày 13/10/2023 ông L có làm thông báo gửi cho ông T, yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả số tiền nêu trên nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466, Khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Các bên cho vay thông qua hình thức chuyển khoản với nhau nên chỉ thỏa thuận miệng về lãi suất là 1%/tháng. Do bị đơn vắng mặt không có lý do, Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật được tính từ ngày 17/10/2023 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm (là 9 tháng 22 ngày = 292 ngày). Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận. Như vậy lãi suất được tính như sau:

(233.900.000 đồng x 10%/năm x 292) : 365 ngày = 18.712.000 đồng.

[4] Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX cần buộc ông Cao Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vay là 233.900.000 đồng, tiền lãi là 18.712.000 đồng. Tổng cộng là 252.612.000 đồng

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Cao Văn T phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Cao Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền nợ là 233.900.000 đồng và tiền lãi là 18.712.000 đồng. Tổng cộng là 252.612.000 đồng. (Hai trăm năm mươi hai triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đối với số tiền 70.000.000 đồng đối với chứng từ giao dịch chuyển tiền ngày 02/6/2021 tại Ngân hàng N.

3. Về án phí: Ông Cao Văn T phải chịu 12.630.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Có giá ngạch theo mức 252.612.000 đồng x 5%)

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 7.597.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Phạm Văn C1 đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, biên lai thu số AA/2023/0000081, ngày 27 tháng 10 năm 2023.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Minh Ngọc